FireAnt

Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP (UPCOM: ACV)

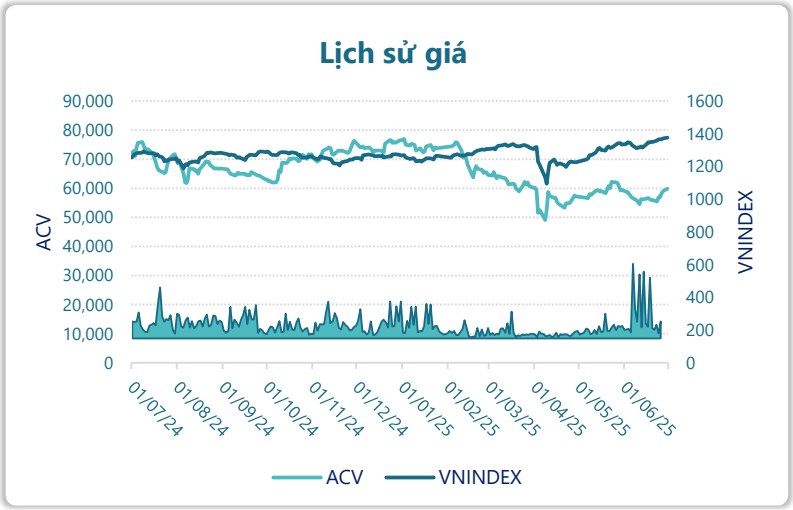

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**98,500**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	76,908
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	49,085
SL cổ phiếu LH	2,176,950,436
KLGD BQ 20 phiên (CP)	597,775
% sở hữu nước ngoài	2.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	214,430
P/E	19.2
EPS	5,118

DT thuần

Q2/25

6,340

tỷ VNĐ

QoQ: ▼10.0| -0.2%

YoY: ▲ 805| 14.5%

LN sau thuế

Q2/25

2,605

tỷ VNĐ

QoQ: ▼515| -16.5%

YoY: ▼623| -19.3%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

50.9%

+/- YoY: ▼ 21.6%

DT thuần

6T 2025

12,690

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1,512| 13.5%

LN sau thuế

6T 2025

5,726

tỷ VNĐ

YoY: ▼423| -6.9%

ROE

Q2/25

18.7%

+/- YoY: ▼ 1.9%

Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh

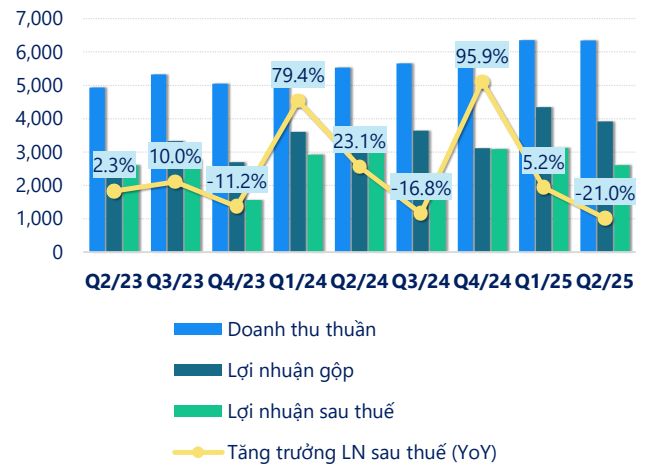

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

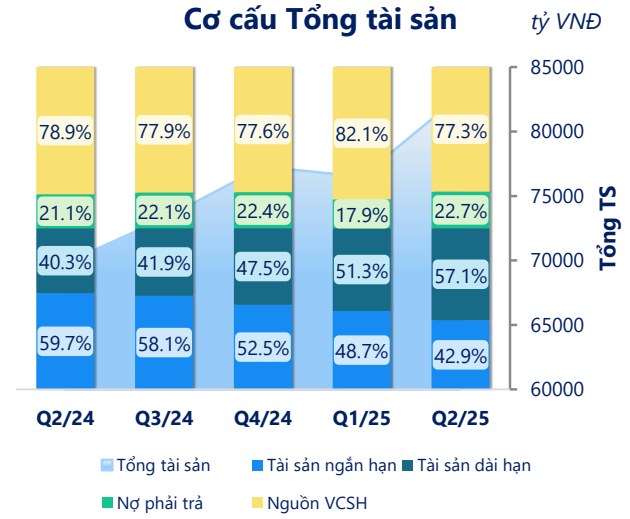

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

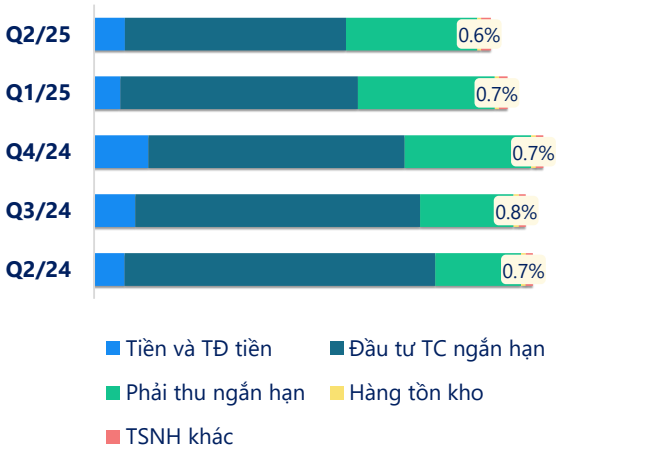

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

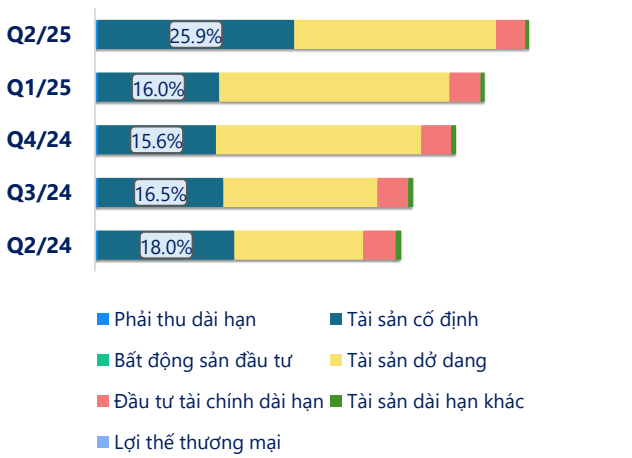

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

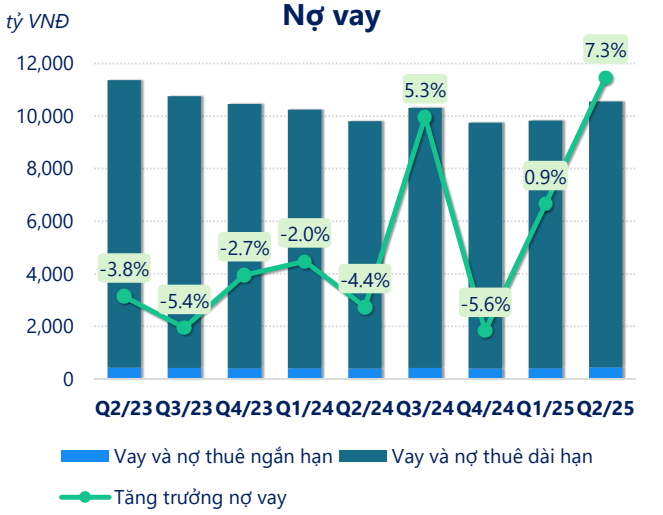

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

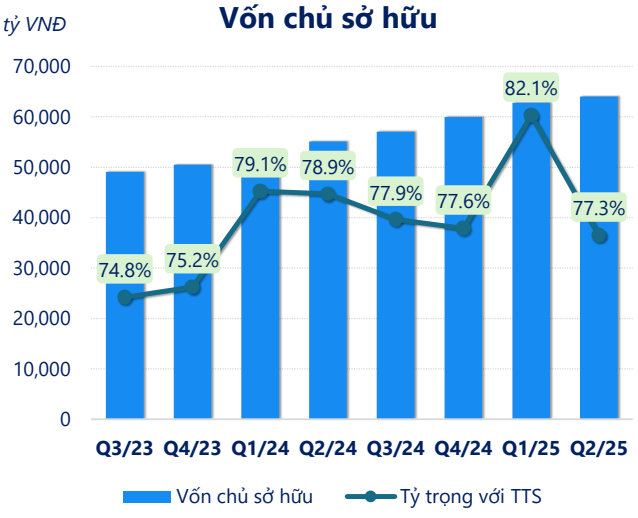

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

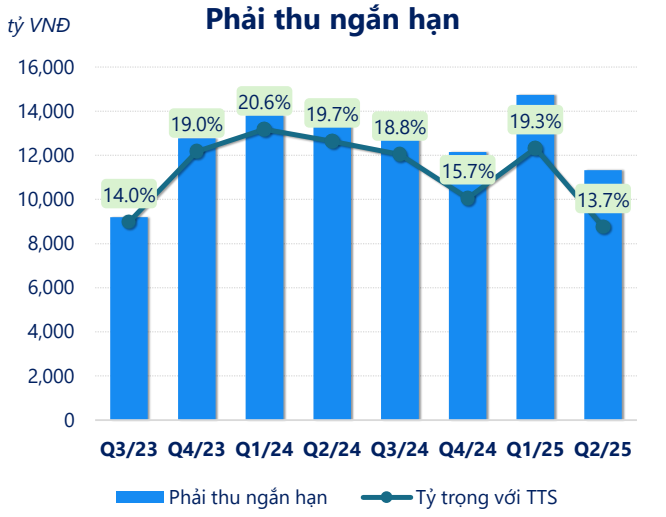

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

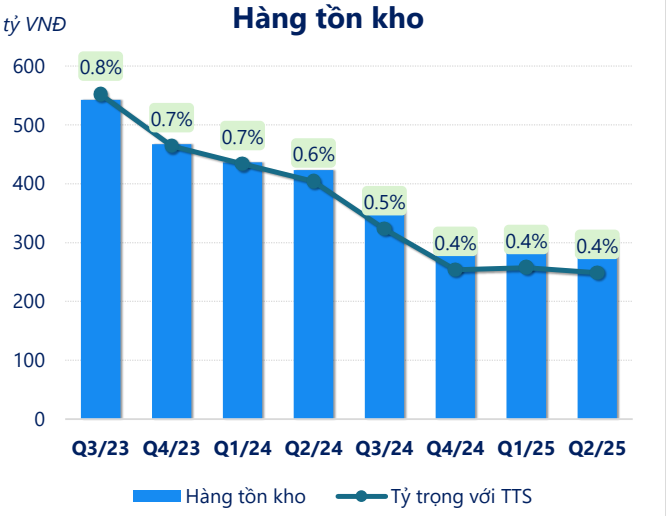

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

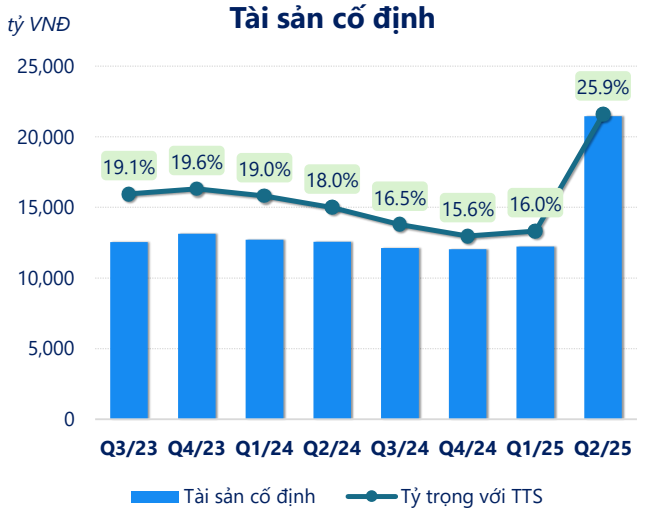

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

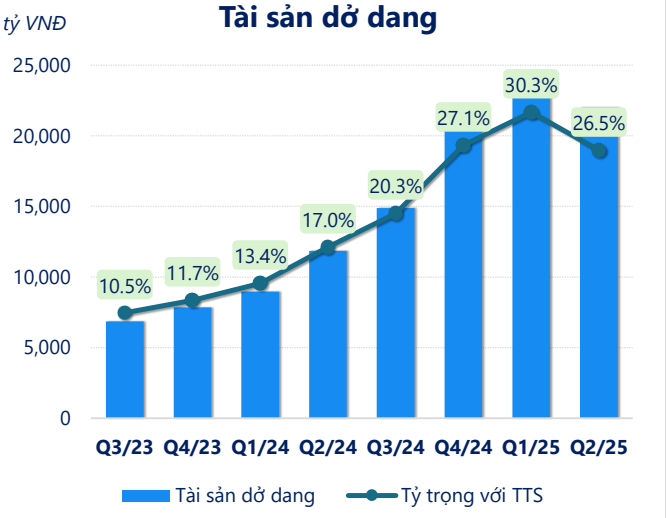

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

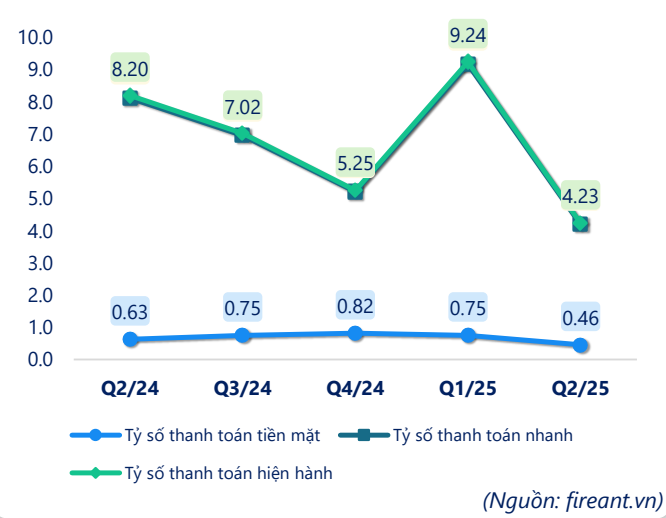

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

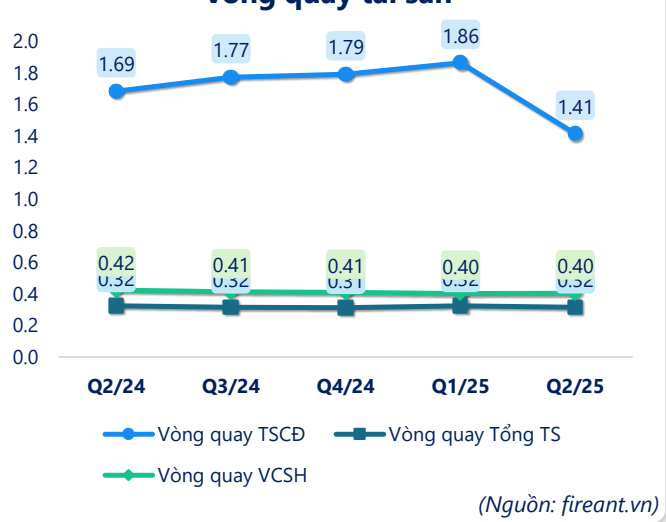

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**69,803**	**73,258**	**77,270**	**76,481**	**82,813**
Tài sản ngắn hạn	**41,652**	**42,552**	**40,530**	**37,257**	**35,489**
Tiền và tương đương tiền	3,192	4,546	6,307	3,025	3,835
Đầu tư tài chính ngắn hạn	23,223	22,696	20,249	17,500	17,798
Phải thu ngắn hạn	13,781	13,782	12,144	14,734	11,332
Hàng tồn kho	423	355	294	295	309
Tài sản ngắn hạn khác	1,033	1,174	1,537	1,702	2,215
Tài sản dài hạn	**28,151**	**30,706**	**36,739**	**39,224**	**47,324**
Phải thu dài hạn	266	266	266	266	266
Tài sản cố định	12,562	12,117	12,030	12,232	21,457
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	11,837	14,881	20,904	23,207	21,984
Đầu tư tài chính dài hạn	2,973	2,934	3,035	3,106	3,182
Tài sản dài hạn khác	514	509	505	414	436
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**14,698**	**16,173**	**17,329**	**13,724**	**18,803**
Nợ ngắn hạn	**5,081**	**6,063**	**7,722**	**4,033**	**8,390**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	390	418	396	407	438
Phải trả người bán ngắn hạn	834	832	1,689	966	1,869
Nợ dài hạn	9,618	10,110	9,607	9,691	10,413
Vay và nợ thuê dài hạn	9,408	9,897	9,346	9,420	10,106
Nguồn vốn chủ sở hữu	**55,105**	**57,086**	**59,941**	**62,757**	**64,009**
Vốn chủ sở hữu	**55,105**	**57,086**	**59,941**	**62,757**	**64,009**
Vốn điều lệ	21,772	21,772	21,772	21,772	21,772
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)